

Bản án số: 384/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Đình Minh Phương

Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4315/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 245/79/31 Đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Mai P, sinh năm 1994

Địa chỉ: 34 Đường N, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 21 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Minh T đều trình bày:

Ông và bà Trần Mai P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 09 tháng 01 năm 2017. Ông, bà có con chung tên Trần Khả H, sinh ngày 26/11/2016.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng cũng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính tình, quan điểm sống. Ông đã cố gắng xây dựng, vun đắp, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó bà Trần Mai P vi phạm pháp luật vương vòng lao lý. Hiện nay bà Trần

Mai P đang thụ án tại đội 9 (nữ), Phân trại 1, Trại giam Long Hòa, địa chỉ: xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Mai P.

Về nuôi con: Ông và bà Trần Mai P sẽ tự thỏa thuận về việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Trần Mai P trình bày tại bản khai ngày 05 tháng 7 năm 2022:

Bà và ông Trần Minh T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và có con chung là Trần Khả H, sinh ngày 26/11/2016. Nay ông Trần Minh T yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Về nuôi con: Bà và ông T sẽ tự thỏa thuận về việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trần Mai P cư trú tại 34 Đường N, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 09 tháng 01 năm 2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn vắng mặt và có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, còn nguyên đơn có Đơn xin không tiến hành hòa giải đề ngày 12 tháng 7 năm 2022, thể hiện nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[6] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về nuôi con: Con chung Trần Khả H, sinh ngày 26/11/2016, hai bên đều yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Trần Mai P thuận tình ly hôn.

Về nuôi con: Con chung Trần Khả H, sinh ngày 26/11/2016, hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0005779 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương

